

**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KV HÀN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KV HÀN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KV HAN VIET FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108935778

**3. Ngày thành lập:** 08/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10, ngách 27/2 Phố Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02485865888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa               | 4610     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá | 8299     |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                    | 1010     |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                            | 1020     |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                       | 1030     |
| 6.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                    | 1040     |
| 7.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                | 1050     |
| 8.  | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                        | 1061     |
| 9.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                      | 1062     |
| 10. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                      | 1071     |
| 11. | Sản xuất đường                                                                                                     | 1072     |
| 12. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                | 1073     |
| 13. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                       | 1074     |
| 14. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                              | 1075     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | <p>Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết;</p> <p>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ,</p> <p>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;</p> <p>- Sản xuất dấm;</p> <p>- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;</p> <p>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.</p> <p>Nhóm này cũng gồm:</p> <p>- Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);</p> <p>- Sản xuất men bia;</p> <p>- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;</p> <p>- Sản xuất sữa tách bơ và bơ;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;</p> <p>- Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;</p> <p>- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;</p> <p>- Sản xuất thực phẩm chức năng.</p> | 1079        |
| 16. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1101        |
| 17. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1102        |
| 18. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1103        |
| 19. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1104        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4620        |
| 21. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4631        |
| 22. | <p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết: -Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt</p> <p>- Bán buôn thủy sản</p> <p>- Bán buôn rau, quả</p> <p>- Bán buôn cà phê</p> <p>- Bán buôn chè</p> <p>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột</p> <p>- - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng;</p> <p>- Bán buôn dầu, mỡ động thực vật;</p> <p>- Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;</p> <p>- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh</p> <p>- Thực phẩm chức năng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632(Chính) |
| 23. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633        |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4711        |

|     |                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                        | 4719 |
| 26. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4721 |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4722 |
| 28. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                            | 4723 |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ          | 4781 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá bán lẻ qua Internet) | 4791 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI THỊ NHẬT LỆ  | P1205HH1, Đơn Nguyên A, Phố Gia Thụy, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 3.300.000.000         | 33,000    | 001171005847                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ LƯƠNG | Tổ dân phố 6, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | 3.300.000.000         | 33,000    | 037184002763                                                                                                                                      |         |
| 3   | TRẦN MINH HẢI    | Số 35 Ngõ Lan Bá, Đường Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 3.400.000.000         | 34,000    | 011507359                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN MINH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 08/05/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011507359

Ngày cấp: 24/03/2006

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 35 Ngõ Lan Bá, Đường Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 35 Ngõ Lan Bá, Đường Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội